TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Mạnh Cường**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Trần Sóng Thành, bà Nguyễn Thị Thắm**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Bà Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 385/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Ngọc Khánh T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 491, tổ 15, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Huỳnh Tấn H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 108, tổ 3, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Ngọc Khánh T trình bày:

Chị T và anh Huỳnh Tấn H quen nhau, tìm hiểu khoảng hơn 03 tháng thì tiến tới kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyên, không bị ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/11/2014. Đây là hôn nhân lần đầu của chị T.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại nhà chồng ở số 491, tổ 15, khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên ở đây được một thời gian thì chuyển về sinh sống và làm việc tại số 108, tổ 3, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ngoài ra anh chị còn mâu thuẫn trong vấn đề tài chính của gia đình, anh H không quan tâm đến vợ con, mọi chuyện trong gia đình đều do chị T gánh vác. Sau nhiều lần mâu thuẫn đến ngày 18/6/2023 anh chị sống ly thân, từ đó đến nay anh chị không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo và hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Tấn H.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Huỳnh Lê Su M, sinh ngày 11/9/2014. Hiện nay con chung đang ở cùng chị T tại khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, hiện nay chị T đang làm buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng là 15.000.000đ và có chỗ ở ổn định đủ điều kiện nuôi con nên chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác, ngày 20/7/2023 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Huỳnh Tấn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

+. Về quan hệ hôn nhân: xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Ngọc Khánh T được ly hôn với anh Huỳnh Tấn H.

+. Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Huỳnh Lê Su M, sinh ngày 11/9/2014. Đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2023 cho nguyên đơn chị Lê Ngọc Khánh T và bị đơn anh Huỳnh Tấn H. Ngày 20/7/2023 chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Ngọc Khánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Tấn H và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Huỳnh Tấn H hiện đang cư trú tại địa chỉ: số 108, tổ 3, ấp N, xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Lê Ngọc Khánh T là nguyên đơn, anh Huỳnh Tấn H là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều

51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Lê Ngọc Khánh T và anh Huỳnh Tấn H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/11/2014 (BL 07) theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, chị T trình bày giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 23, 24) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 28, 30).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6.2] Qúa trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Huỳnh Tấn H để làm việc, lấy lời khai và các quá trình tố tụng khác cũng như tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành làm việc, lấy lời khai của anh H được. Điều này thể hiện anh H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[7] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Huỳnh Lê Su M, sinh ngày 11/9/2014. Hiện nay cháu My đang ở cùng chị T tại khu phố T, thị trấn D, huyện Thống Nhất. Xét yêu cầu của chị T được nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, bởi lẽ, chị T có nơi cư trú và thu nhập ổn định, chị T làm nghề buôn bán thu nhập trung bình mỗi tháng là khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngoài ra, cháu Huỳnh Lê Su M có nguyện vọng được sống với chị T trong trường hợp cha mẹ không còn sống chung với nhau (BL 25). Từ những nhận định trên, căn cứ Điều khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung cháu Huỳnh Lê Su M, sinh ngày 11/9/2014 của chị T.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Nguyên đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, 10 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] *Tuyên xử:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc Khánh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Huỳnh Tấn H. Xử cho chị Lê Ngọc Khánh T và anh Huỳnh Tấn H ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Lê Su M, sinh ngày 11/9/2014 cho chị Lê Ngọc Khánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Huỳnh Tấn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.2.2] Khi ly hôn anh Huỳnh Tấn H vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Ngọc Khánh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009463 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã B, H. Thống Nhất (Giấy CNKH số 157/2014);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường